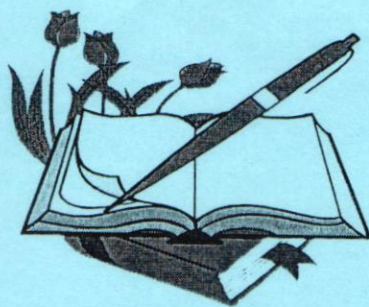


PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ BẾN CÁT
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHÁNH PHÚ HÒA

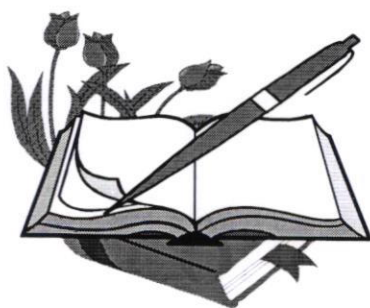
HỒ SƠ 3 CÔNG KHAI NĂM HỌC 2022-2023



Chánh Phú Hòa, tháng 9 năm 2022

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ BẾN CÁT
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHÁNH PHÚ HÒA

HỒ SƠ 3 CÔNG KHAI NĂM HỌC 2022-2023



Chánh Phú Hòa, tháng 9 năm 2022

Số 95/QĐ-THCSCPH

Chánh Phú Hòa, ngày 24 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công khai năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHÁNH PHÚ HÒA

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét phẩm chất và năng lực cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công khai năm học 2022-2023 gồm các ông(bà) có tên sau:

1- Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích	Hiệu trưởng	Trưởng ban.
2- Ông Đỗ Quốc Tiến	P. HT	Phó ban
3- Bà Trương Thị Mộng Tuyền	PHT-CT. CĐCS	Phó ban
4- Bà Nguyễn Thanh Hải	TBTTND	Ủy viên
5- Bà Trần Văn Hòa	Kế toán	Ủy viên
6- Bà Lương Thị Thanh Thảo	Văn Thư	Thư ký

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo các văn bản hướng dẫn, dưới sự phân công của Trưởng ban.

Điều 3. Cán bộ giáo viên, nhân viên và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Thị Ngọc Bích

Số: 96/QĐ -THCSCPH

Chánh Phú Hòa, ngày 24 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế công khai trong trường THCS Chánh Phú Hòa
Năm học 2022-2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CHÁNH PHÚ HÒA

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ công văn số 526/PGDĐT-TTr ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Phòng GD-ĐT Bến Cát về việc hướng dẫn công tác kiểm tra nội bộ trường học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Quy chế thực hiện công khai trong Trường THCS Chánh Phú Hòa năm 2022-2023.

Điều 2. Quy chế này được áp dụng cho các hoạt động công khai của nhà trường theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT.

Điều 3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường THCS Chánh Phú Hòa có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

Như Điều 3 (để thực hiện);
Phòng GD&ĐT (báo cáo);
Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Ngọc Bích



QUY CHẾ

Thực hiện công khai trong trường THCS Chánh Phú Hòa Năm học 2022-2023 theo Thông tư 36/2017-TT-BGDĐT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 96/THCSCPH ngày 24 tháng 9 năm 2022-
2023 của Hiệu trưởng trường THCS Chánh Phú Hòa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định về thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính.

- Quy chế này áp dụng đối với các hoạt động giáo dục của trường THCS Chánh Phú Hòa.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

Chương II

NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

Điều 3. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 6 của trường, chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 09).

Chất lượng giáo dục thực tế: Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp; Học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (Theo Biểu mẫu 10)

Công tác kiểm định cơ sở giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia: công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận mức kiểm định chất lượng

giáo dục và đạt chuẩn quốc gia.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng và các phòng khác tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Theo Biểu mẫu 11)

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 12). Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục: Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Thông tư 36/2017/TT-BGĐT. Cụ thể:

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước... Thực hiện nghiêm túc công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

Học phí và các khoản thu các từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học

Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn và các khoản chi khác. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm.

Điều 4. Hình thức và thời điểm công khai

Công khai trên trang thông tin điện tử của trường vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Niên yết công khai tại văn phòng nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Đối với nội dung các khoản thu từ học sinh phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh và niêm yết trên bảng tin của nhà trường.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị, CB, GV, NV trong nhà trường

Thủ trưởng cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung,

hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và cơ quan chủ quản trước 30 tháng 9 hàng năm.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của cơ sở giáo dục.

Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục.

Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

Đưa lên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.

Điều 6. Trách nhiệm của hiệu trưởng

Chỉ đạo cho tất cả giáo viên thực hiện quy chế công khai theo quy định tại Quy chế này.

Tổ chức kiểm tra việc thực hiện công khai của tất cả giáo viên trong nhà trường. Việc kiểm tra có sự tham gia của Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường.

Thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra cho tất cả giáo viên. Thời điểm thông báo không quá 30 ngày sau khi thực hiện kiểm tra.

Tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra của tất cả giáo viên gửi báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo vào đầu tháng 6 hàng năm./.

Số: 44 /KH-THCSCPH

Chánh Phú Hòa, ngày 24 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện 3 công khai năm học 2022 -2023

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT và các quy định về công khai trong lĩnh vực tài chính về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính công khai trong lĩnh vực tài chính,

Trường THCS Chánh Phú Hòa xây dựng Kế hoạch thực hiện 3 công khai năm học 2022-2023 như sau:

I- Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận xét tốt nghiệp THCS. (theo Biểu mẫu 10).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:



Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d) Kiểm định nhà trường:

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 12)

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài (nếu có); mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. Hình thức và thời điểm công khai

a. Hình thức:

- Niêm yết công khai tại nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, đại hội ban đại diện CMHS, Hội nghị cán bộ công chức. Trên website trường.

b- Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2022 -2023 của trường THCS Chánh Phú Hòa.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT Bến Cát (để báo cáo)
- Công khai thông báo trường
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Ngọc Bích



Chánh Phú Hòa, ngày 23 tháng 9 năm 2022

BIÊN BẢN

V/v **niêm yết công khai** theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Năm học 2022 – 2023

I. Thời gian: 10 giờ 30 phút ngày 23 tháng 9 năm 2022

II. Địa điểm: Trường THCS Chánh Phú Hòa (khu phố 9, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, thành phố Hồ Chí Minh)

III. Thành phần:

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích- Hiệu trưởng
2. Ông Đỗ Quốc Tiên- Phó hiệu trưởng
3. Bà Trương Thị Mộng Tuyền-Phó HT-Chủ tịch công đoàn
4. Bà Nguyễn Thanh Hải- Trưởng ban Thanh tra
5. Bà Trần Văn Hòa- Kế toán
6. Bà Ngô Thị Ngọc Lan- Thư kí Hội đồng

IV. Nội dung:

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai của Trường THCS Chánh Phú Hòa theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục năm học 2022 – 2023.
- Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2021-2022 của Trường THCS Chánh Phú Hòa.
- Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường THCS Chánh Phú Hòa năm học 2022-2023
- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường THCS Chánh Phú Hòa năm học 2022-2023

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 23 tháng 9 năm 2022 đến hết ngày 23 tháng 9 năm 2022

3. Địa điểm công khai: Bảng thông báo của Nhà trường, bảng thông báo tại Phòng Giáo viên Nhà Trường, Website trường.

4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được giải đáp. SĐT : 0274. 3543243

Biên bản được lập xong vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất kí tên dưới đây.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Ngô Thị Ngọc Lan

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Quốc Tiên

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Thị Ngọc Bích

TRƯỞNG BAN TTND

Nguyễn Thanh Hải

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Trương Thị Mộng Tuyền

KẾ TOÁN

Trần Văn Hòa

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN CÁT
TRƯỜNG THCS CHÁNH PHÚ HÒA

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2022-2023**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>* Lớp 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ tuổi học sinh: từ 11 - 13 tuổi (tính từ năm sinh đến năm đăng ký dự tuyển) và đã hoàn thành chương trình tiểu học. - Hộ khẩu thường trú, tạm trú, cư trú trên địa bàn phường Chánh Phú Hòa. - Hồ sơ TS gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Phiếu đăng ký dự tuyển vào lớp 6 (theo mẫu) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến. + Bản chính học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ. + Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ. + Bản photô Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú (không cần công chứng và kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc Giấy xác nhận thông tin về cư trú, hoặc Giấy hẹn đã hoàn thành thủ tục đăng ký thường trú, tạm trú của cơ quan đăng ký cư trú. + Quyết định cho phép học vượt lớp (nếu có). + Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có). <p>* Lớp 7,8,9:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ tuổi học sinh lớp 7: từ 12 - 14 tuổi; 			

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
		<ul style="list-style-type: none"> - Độ tuổi học sinh lớp 8: từ 13 - 15 tuổi; - Độ tuổi học sinh lớp 9: từ 14 - 16 tuổi; - Khối 7,8,9 là học sinh của nhà trường trong các năm qua, đủ điều kiện được lên lớp; - Đối với học sinh chuyển đến: Đơn xin chuyển trường có sự đồng ý của nơi đi và nơi đến, giấy giới thiệu chuyển trường của nơi đi, học bạ, giấy khai sinh, hộ khẩu hợp lệ. 			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lớp 6,7: Thực hiện chương trình GDPT 2018. - Khối lớp 8,9: Thực hiện chương trình giáo dục ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006. - Thời gian học tập: 37 tuần. - Căn cứ chương trình giáo dục và biên chế năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch và thời khóa biểu để điều hành hoạt động dạy học hợp lý. 			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với gia đình để giáo dục học sinh theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thường xuyên trao đổi với PHHS về tình hình học tập, rèn luyện của học sinh thông qua Sổ liên lạc điện tử hàng ngày, tuần, tháng và thông qua điện thoại hàng ngày khi cần thiết. - Hàng năm tiến hành họp PHHS ít nhất 3 lần: đầu năm, kết thúc HKI và cuối năm. - Học sinh phải có thái độ học tập tích cực, tự học sáng tạo, phát huy tính tích cực của học sinh, chấp hành tốt nội quy của nhà trường đề ra. Học sinh được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc đánh giá học sinh đảm bảo yêu cầu công khai, công bằng, khách quan, chính xác toàn diện. Kết quả đánh giá và xếp loại học sinh được thông báo cho gia đình vào cuối học kỳ và cuối năm học trên phiếu liên lạc. 			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động giáo dục trên lớp tiến hành thông qua việc dạy học các môn bắt buộc và tự chọn trong chương trình 			

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	học sinh ở cơ sở giáo dục	<p>giáo dục của cấp học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.</p> <p>Nhà trường phối hợp các tổ chức, cá nhân tham gia giáo dục ngoài nhà trường, thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp như: Tham quan dã ngoại về nguồn, đưa các trò chơi dân gian vào trong nhà trường, các hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống, nhằm phát triển toàn diện phù hợp với đặc điểm sinh lý lứa tuổi học sinh.</p> <p>- Giáo dục cho học sinh phát triển năng lực: năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực CNTT...; học sinh có phẩm chất đạo đức tốt; yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm; đảm bảo cho học sinh có đủ sức khỏe học tập, đủ điều kiện và trình độ học tập.</p>			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<p>Học tập: Tốt: 29,83% Khá: 34,37% Đạt: 32,22% Chưa đạt: 3,58%</p> <p>Rèn luyện: Tốt: 83,53% Khá: 15,51% Đạt: 0,95% Chưa đạt: 0,0%</p>	<p>Học tập: Tốt: 32,25% Khá: 34,42% Đạt: 29,71% Chưa đạt: 3,62%</p> <p>Rèn luyện: Tốt: 87,32% Khá: 11,96% Đạt: 0,72% Chưa đạt: 0,0%</p>	<p>Học tập: Giỏi: 23,91% Khá: 38,48% TB: 30,61% Yếu: 6,71% Kém: 0,29%</p> <p>Hạnh kiểm: Tốt: 77,84% Khá: 20,7% TB: 1,46% Yếu: 0,0%</p>	<p>Học tập: Giỏi: 14,18% Khá: 30,27% TB: 52,87% Yếu: 0%</p> <p>Kém: 2,68% Hạnh kiểm: Tốt: 77,01% Khá: 22,22% TB: 0,77% Yếu: 0,0%</p> <p>- Đảm bảo công tác an toàn, vệ sinh, sức khỏe cho học sinh. - 100% HS tham gia BHYT. - 100% HS được khám sức khỏe định kì. - Danh hiệu nhà trường đạt Tập thể lao động tiên tiến.</p>
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<p>- Học sinh học xong chương trình của lớp học có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thi được Hiệu trưởng nhà trường ghi vào học bạ công nhận</p>			

		<p>hoàn thành chương trình lớp học, đủ điều kiện theo học lớp tiếp theo.</p> <p>- Học sinh học hết chương trình THCS, có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được Trường phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hà Đông cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS, học sinh có thể tham gia thi tuyển vào lớp 10 THPT công lập, học các lớp trung cấp nghề hoặc các trường THPT dân lập.</p>
--	--	--

Chánh Phủ Hòa, ngày 15 tháng 09 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Ngọc Bích

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN CÁT
TRƯỜNG THCS CHÁNH PHÚ HÒA

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông, năm học 2021-2022**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạng kiểm/kết quả rèn luyện	1138	289	355	267	227
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	889 (78,11%)	236 (81,66%)	274 (77,18%)	218 (81,64%)	161 (70,93%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	235 (20,65%)	53 (18,34%)	78 (21,97%)	45 (16,85%)	59 (25,99%)
3	Trung bình đối với lớp 8,9/Đạt đối với lớp 6,7 (tỷ lệ so với tổng số)	13 (1,14%)		3 (0,85%)	3 (1,12%)	7 (3,08%)
4	Yếu đối với lớp 8,9/Không đạt đối với lớp 6,7 (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0,09%)			1 (0,37)	
II	Số học sinh chia theo học lực/kết quả học tập	1138	289	355	267	227
1	Giỏi đối với lớp 8,9/ Tốt đối với lớp 6,7 (tỷ lệ so với tổng số)	254 (23,32%)	88 (30,45%)	76 (21,41%)	61 (22,85%)	29 (12,78%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	388 (34,09%)	93 (32,18%)	125 (43,25%)	94 (32,53%)	76 (26,30%)
3	Trung bình đối với lớp 8,9/Đạt đối với lớp 6,7 (tỷ lệ so với tổng số)	414 (36,38%)	82 (28,37%)	117 (40,48%)	97 (33,56%)	118 (40,83%)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
4	Yếu đối với lớp 8,9/Không đạt đối với lớp 6,7 (tỷ lệ so với tổng số)	79 (6,94%)	26 (9,00%)	37 (12,8%)	14 (%)	2 (%)
5	Kém đối với lớp 8,9 (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0,26%)			1 (0,35%)	2 (0,69%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1138	289	355	267	227
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1118 (98,24%)	275 (95,16%)	351 (98,87%)	265 (99,25%)	227 (100%)
a	Học sinh giỏi đối với lớp 8,9/Học sinh xuất sắc đối với lớp 6,7 (tỷ lệ so với tổng số)	254 (23,32%)	88 (30,45%)	76 (21,41%)	61 (22,85%)	29 (12,78%)
b	Học sinh tiên tiến đối với lớp 8,9/Học sinh giỏi đối với lớp 6,7 (tỷ lệ so với tổng số)	388 (34,09%)	93 (32,18%)	125 (43,25%)	94 (32,53%)	76 (26,30%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	77 (6,77%)	26 (8,99%)	37 (10,42%)	14 (5,24%)	0 (0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	20 (1,76%)	14 (4,84%)	4 (1,13%)	2 (0,75%)	0 (0%)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	84/106	27/31	22/26	25/31	10/18
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	10 (0,87%)	0	3 (0,85%)	6 (2,25%)	1 (0,44%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					

	Nội dung	6	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp		141 m ²
XI	Nhà ăn		316 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Số lượng phòng 28, tổng diện tích 1.792 m ²	28	
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1 Nam/1 Nữ	11	11 Nam/11 Nữ	1 bồn cầu/42 HS Nam 1 bồn cầu/42 HS Nữ	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Chính Phủ Hòa, ngày 15 tháng 09 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Huyền Thị Ngọc Bích

